TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:62/2019/HS-ST
Ngày 17-12-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thịnh

Bà Nguyễn Thị Oanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hạnh, Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/HSST-QĐ ngày 29 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Hoàng Năm N, sinh ngày 16 tháng 11 năm 1984 tại huyện Q, tỉnh Hà G. Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh G và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh G; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn X (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955; có vợ tên là Trương Thùy L, sinh năm 1993, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con thứ hai sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1957; nơi cư trú: Tổ 13, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà: Hoàng Thị H, sinh năm 1990. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông: Phùng Ngọc H1, sinh năm 1991. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 17/02/2017, Hoàng Năm N, sinh năm 1984 tạm trú tại thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh G là giáo viên tăng cường tại Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS T, huyện Q được trưng tập đến nhận công tác tại Phòng Nội vụ huyện Q, với nhiệm vụ được giao là phụ trách công tác tôn giáo trên địa bàn huyện Q và được tập huấn Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức huyện Q. Trong khoảng thời gian này, N vừa làm công việc nhà nước vừa kinh doanh thiết bị máy tính văn phòng, lắp đặt mạng internet và có thuê Hoàng Thị H, sinh năm 1990, trú tại tổ 1 thị trấn Q, huyện Q, tỉnh G làm kế toán cho mình. Qua trao đổi, biết N làm ở Phòng Nội vụ sẽ biết thông tin về tuyển dụng công chức, viên chức nên H đã hỏi N xem có nắm được thông tin gì không và nhờ N xin việc giúp. Do có nhu cầu cần tiền để tiêu sài cá nhân nên N đã lên kế hoạch, tính toán và đưa ra thông tin chắc chắn sẽ xin được việc cho H vào làm kế toán trường học trong huyện B, tỉnh G với chi phí là 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*). Sau khi nhận được thông tin, H đã về nhà hoàn thiện một bộ hồ sơ xin việc theo mẫu và phô tô công chứng các văn bằng, chứng chỉ của bản thân và trao đổi với bà Hoàng Thị T, sinh năm 1957 trú tại tổ 13, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh G (mẹ đẻ của Hoàng Thị H) là có nhờ N xin việc cho H, bà T đồng ý đứng ra trả tiền. Ngày 27/7/2017, H gọi điện cho N bảo N đến nhà bà T để nhận tiền và hồ sơ xin việc. Tại nhà bà T, N đưa ra thông tin bản thân là cán bộ làm ở Phòng Nộ vụ huyện Bắc Quang nên sẽ xin được việc cho H vào làm kế toán trường học trong huyện B, và hứa hẹn sau ba tháng H chắc chắn sẽ có quyết định đi làm. Do tin tưởng, bà T đã giao số tiền 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*), gồm 300 (*ba trăm*) tờ tiền mệnh giá 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) cho N tại bàn uống nước kê ở gầm nhà sàn và N có viết một tờ giấy biên nhận với nội dung: "nhận tiền để xin việc làm kế toán trường học trong huyện B, tỉnh G", quá trình giao nhận tiền có Phùng Ngọc H1, sinh năm 1991 trú tại tổ 1, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh G là con rể bà T, chồng của H là người chứng kiến. Sau khi nhận tiền, N đã chi tiêu vào mục đích cá nhân hết, đối với bộ hồ sơ xin việc của H, N để trên bàn làm việc mà không làm thủ tục xin việc cho H như đã hứa hẹn. Ngày 10/8/2017, N trở lại công tác tại Trường tiểu học và THCS T, trước khi chuyển công tác N đã bàn giao toàn bộ tài liệu, sổ sách cho Phòng Nội vụ tiếp tục quản lý, trong đó không có bộ hồ sơ xin việc nào mang tên Hoàng Thị H. Do không có nhu cầu đi làm Nhà nước nữa nên N đã viết đơn xin thôi việc và được Ủy ban nhân dân huyện Q đồng ý theo Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 04/01/2018. Hết thời hạn ba tháng không thấy có quyết định đi làm, H và bà T đã tìm gặp N để hỏi thì được biết N đã bỏ việc, rời khỏi địa phương nơi cư trú, và điện thoại thì không liên lạc được, nên ngày 15/02/2018 bà T đã có đơn đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang giải quyết vụ việc.

Ngày 23/9/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang phát hiện Hoàng Năm N có mặt tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q nên đã tiến hành mời

Hoàng Năm N đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang để làm việc. Tại cơ quan điều tra Hoàng Năm N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 25/10/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: 197, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang (PC09) để giám định chữ ký, chữ viết đứng tên Hoàng Năm N trên giấy biên nhận tiền lập ngày 27/7/2017 (ký hiệu A1) và chữ ký, chữ viết đứng tên Hoàng Năm N trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 có phải do cùng một người viết và ký không?

Tại bản kết luận giám định số: 354/KL-PC09 ngày 05/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận:

Chữ viết đứng tên Hoàng Năm N trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết đứng tên Hoàng Năm N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người viết ra.

Chữ ký đứng tên Hoàng Năm N trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký đứng tên Hoàng Năm N trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người ký ra.

Chữ ký đứng tên Hoàng Năm N trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký đứng tên Hoàng Năm N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M3 khác dạng nên không tiến hành giám định.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 15/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Hoàng Năm N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Bị hại bà Hoàng Thị T khai: Ngày 27/7/2017 bà có đưa số tiền 150.000.000 đồng cho bị cáo N để N xin việc cho con gái bà, nhưng N đã không xin được việc cho con gái bà như N đã hứa, bà đã nhiều lần tìm gặp N để đòi lại tiền bà đã đưa cho N xin việc cho con gái bà nhưng bà đã không liên lạc được với N, do vậy ngày 15/02/2018 bà đã làm đơn đề nghị Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giải quyết. Sau đó đến ngày 26/9/2019 N đã trả cho bà 80.000.000 đồng. Tại phiên tòa ngày hôm nay bà không cầu yêu cầu gì về phần dân sự. Về trách nhiệm hình sự bà xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ N quan điểm về tội danh đã truy tố đối với Hoàng Năm N theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm. Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo kể

từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có thu nhập ổn định, bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, bị hại không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, nên không yêu cầu.

Về xử lý vật chứng: Vụ án không thu giữ vật chứng gì, do vậy không đề cập xử lý.

Tại phần tranh luận, bị cáo nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Kiểm sát viên đã nêu trong bản luận tội.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình đã sai, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên toà những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng nhưng họ đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo Hoàng Năm N tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, của người bị hại, người làm chứng, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Kết luận giám định số 354/KL-PC09 ngày 05/11/2019 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Giang, cùng tài liệu khác có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, bị cáo Hoàng Năm N biết mình không được giao nhiệm vụ tuyển dụng và không có thẩm quyền điều động, luân chuyển cán bộ trong ngành giáo dục tỉnh Hà Giang nhưng đã cố tình đưa ra thông tin sai sự thật, hứa hẹn sẽ xin được việc cho con gái bà Hoàng Thị T là Hoàng Thị H đi làm kế toán trường học tại huyện B, tỉnh G để chiếm đoạt số tiền 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*) sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân, như vậy bị cáo đã bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bà Hoàng Thị T với tổng số tiền là 150.000.000đ. Hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: Lừa

đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định như sau:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 2.000.000đ nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:..

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)…

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng…".

Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo về tội danh "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều vi phạm pháp luật và bị xử lý nghiêm minh nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật. Bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo đã chiếm đoạt của bà Hoàng Thị T số tiền là 150.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, cần phải xử lý bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo Hoàng Năm N có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự,.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trước khi mở phiên tòa bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại số tiền là 80.000.000 đồng, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo là con Thương binh thuộc diện gia đình có công với cách mạng, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này ra bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Sau khi xem xét tính chất mức độ phạm tội các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hội đồng xét xử thấy mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo trong vụ án là phù hợp, trong thời gian tại ngoại bị cáo không có hành vi bỏ trốn hay có vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, không

cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng các quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước ta.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của BLHS. Song xét thấy hoàn cảnh gia đình bản thân bị cáo không có việc làm ổn định, gia đình kinh tế khó khăn không có khả năng thi hành nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Xét thấy sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là chính đáng, phù hợp với quy định pháp luật, nên cần ghi nhận thỏa thuận của bị cáo với bị hại. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Vụ án không thu giữ vật chứng gì, do vậy không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Năm N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Năm N 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Năm N cho Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

3.Về án phí: Bị cáo Hoàng Năm N phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn*

đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang ;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Tuấn Vĩnh